



QUY CHẾ PHÁT NGÔN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC.PR.001

Hà Nội, tháng 02/2018



MỤC LỤC

Chương I	4
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Mục đích.....	4
Điều 2. Phạm vi áp dụng.....	4
Điều 3. Tài liệu tham chiếu.....	4
Điều 4. Giải thích từ ngữ	5
Chương II	5
PHÁT NGÔN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO BÁO CHÍ	5
Điều 5. Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí	5
Điều 6. Phê duyệt nội dung phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.....	6
Điều 7. Quyền và trách nhiệm của Người phát ngôn	6
Điều 8. Tổ chức họp báo.....	7
Điều 9. Thông cáo báo chí	7
Điều 10. Cung cấp thông tin định kỳ, liên tục	8
Điều 11. Phát ngôn và cung cấp thông tin trong các trường hợp đột xuất, bất thường	8
Điều 12. Các trường hợp Người phát ngôn có quyền từ chối phát ngôn và không cung cấp thông tin cho báo chí	8
Điều 13. Xử lý các thông tin có ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh Ngân hàng trên các phương tiện truyền thông đại chúng.....	8
Chương III	9
CÔNG BỐ THÔNG TIN CHO CỔ ĐÔNG VÀ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	9
Điều 14. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	9
Điều 15. Nguyên tắc công bố thông tin	9
Điều 16. Người thực hiện công bố thông tin	10
Điều 17. Phương tiện công bố thông tin.....	11
Điều 18. Tạm hoãn công bố thông tin	11
Điều 19. Công bố thông tin định kỳ.....	12
Điều 20. Công bố thông tin bất thường	15
Điều 21. Công bố thông tin theo yêu cầu	18
Điều 22. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Ngân hàng	18
Điều 23. Công bố thông tin về quản trị Ngân hàng	18
Điều 24. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng Giám đốc	18
Điều 25. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Ngân hàng và người có liên quan của người nội bộ.....	18
Điều 26. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc	19
Chương IV	20
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	20
Điều 27. Trách nhiệm thực hiện	20
Điều 28. Điều khoản thi hành	21

QUY CHẾ

Phát ngôn và cung cấp thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB);
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700169765, thay đổi lần thứ 16, ngày 10/11/2017 của NCB;
- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc,

QUY ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Thống nhất về chế độ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, công bố thông tin cho cổ đông trên thị trường chứng khoán của NCB theo các quy định của pháp luật và quy định của NCB.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy định này được áp dụng trong toàn Hệ thống NCB, bao gồm Trụ sở chính, các Chi nhánh (gọi chung là Chi nhánh, trong đó có Phòng Giao dịch); các Khối Ngân hàng chuyên doanh và các Khối nghiệp vụ.

Điều 3. Tài liệu tham chiếu

3.1. Văn bản quy phạm pháp luật:

- a) Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- b) Luật Chứng khoán năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2010;
- c) Luật Báo chí năm 2016;
- d) Luật Doanh nghiệp năm 2015;
- e) Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- f) Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- g) Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- h) Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3.2. Văn bản định chế của NCB:

- a) Quy chế tổ chức hoạt động của Ngân hàng TMCP Quốc Dân, mã số QC.TCHĐ.-002 ban hành kèm theo Quyết định số 10/2016/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2016;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB

- b) Các văn bản định chế khác có liên quan do NCB ban hành từng thời kỳ.
- 3.3. Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những quy định, văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

- 4.1. Báo chí: Là sản phẩm thông tin về các sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội thể hiện bằng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được sáng tạo, xuất bản định kỳ và phát hành, truyền dẫn tới đông đảo công chúng thông qua các loại hình báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử.¹
- 4.2. Ngân hàng/NCB: Là Ngân hàng TMCP Quốc Dân.
- 4.3. Người nội bộ của Ngân hàng² là:
- a) Thành viên HĐQT;
 - b) Thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
 - c) Tổng Giám đốc; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Ngân hàng ký kết giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ;
 - d) Giám đốc Khối Quản trị tài chính, Kế toán trưởng;
 - e) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
- 4.4. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin³ là:
- a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Ngân hàng;
 - b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Ngân hàng;
 - c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Ngân hàng;
 - d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Ngân hàng.
- 4.5. Hội đồng quản trị/HĐQT: Là Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quốc Dân.
- 4.6. Tổng Giám đốc/TGD: Là Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc Dân.
- 4.7. PRM: Là Trung tâm Truyền thông Thương hiệu-Marketing.

Chương II

PHÁT NGÔN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO BÁO CHÍ

Điều 5. Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

- 5.1. Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của NCB và nhân danh NCB gồm:
- a) Chủ tịch HĐQT- Người đại diện theo pháp luật
 - b) Tổng Giám đốc (theo ủy quyền/phân công của Người đại diện theo pháp luật);
 - c) Người được Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí thường xuyên (sau đây gọi là Người phát ngôn);

¹ Tham chiếu khoản 1 Điều 3 Luật Báo chí 2016

² Tham chiếu khoản 5 Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC

³ Tham chiếu khoản 4 Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC

- d) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc sẽ ủy quyền cho người có trách nhiệm thuộc NCB phát ngôn (sau đây gọi chung là Người được ủy quyền phát ngôn) hoặc phối hợp cùng Người phát ngôn để phát ngôn hoặc cung cấp thông tin cho báo chí về những vấn đề cụ thể được giao.

Người phát ngôn quy định tại điểm c khoản 1 Điều này nếu đi vắng mà không thể thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí thì phải báo cáo để Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc ủy quyền cho người có trách nhiệm thuộc NCB thực hiện việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Việc ủy quyền phát ngôn được thực hiện bằng văn bản, chỉ áp dụng trong từng vụ việc và có thời hạn nhất định.

- 5.2. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn quy định tại điểm c, điểm d khoản 5.1 Điều này không được ủy quyền tiếp cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 8.2 Điều 8 Quy chế này.
- 5.3. Cán bộ, nhân viên của NCB được cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã cung cấp, nhưng không được nhân danh NCB để phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trừ khi được phê duyệt hoặc ủy quyền của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc.
- 5.4. Trong trường hợp nhận được yêu cầu phát ngôn và/hoặc cung cấp thông tin của báo chí, cán bộ nhân viên của NCB phải có nghĩa vụ chuyển tới PRM để thực hiện các thủ tục cung cấp thông tin theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác của NCB trong từng thời kỳ.

Điều 6. Phê duyệt nội dung phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

Mọi thông tin và tài liệu trước khi Người phát ngôn cung cấp cho báo chí đều phải được phê duyệt trước của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc (nếu có phân công hoặc ủy quyền bằng văn bản).

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của Người phát ngôn

7.1. Quyền của Người phát ngôn:

- a) Chủ động phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, chủ động lựa chọn hình thức báo chí và cơ quan báo chí để đăng, phát tin, bài phù hợp với chức năng nhiệm vụ, chiến lược kinh doanh của NCB và Luật Báo chí.
- b) Từ chối phát ngôn, không cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định tại Quy chế này.
- c) Yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc NCB cung cấp thông tin, tập hợp thông tin để phát ngôn, cung cấp thông tin định kỳ, đột xuất theo quy định tại Quy chế này hoặc để trả lời các phản ánh, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân do cơ quan báo chí chuyển đến hoặc đăng, phát trên báo chí theo quy định của pháp luật.

7.2. Trách nhiệm của Người phát ngôn:

- a) Chịu trách nhiệm trước NCB, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nội dung phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.
- b) Cung cấp các thông tin cho báo chí dưới các hình thức theo quy định của pháp luật và phù hợp với chủ trương, nguyên tắc của NCB.

7.3. Các phương thức thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí:

- a) Hợp báo;
- b) Trả lời phỏng vấn;
- c) Thông cáo báo chí;
- d) Trả lời trên báo chí;
- e) Cung cấp thông tin, tư liệu và/hoặc tạo điều kiện báo chí tiếp cận thực tế thu thập thông tin tư liệu viết tin, bài, hình ảnh để đăng phát trên báo chí theo chủ trương, nguyên tắc của NCB.

Điều 8. Tổ chức hợp báo

- 8.1. Khi có các sự kiện cần công bố với báo chí, NCB sẽ tổ chức hợp báo để cung cấp thông tin cho báo chí về tình hình, kết quả hoạt động của NCB. Người phát ngôn có quyền quyết định tổ chức hợp báo.
- 8.2. Người phát ngôn trực tiếp chủ trì hợp báo. Người phát ngôn chỉ được ủy quyền lại cho người khác chủ trì hợp báo khi được Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc đồng ý bằng văn bản.
- 8.3. Việc mời cơ quan báo chí đến đưa tin về hợp báo phải thực hiện bằng văn bản và theo đúng cơ quan báo chí đã được lựa chọn để thông điệp của NCB đến đúng nhóm công chúng mục tiêu.
- 8.4. Trong buổi hợp báo, Người phát ngôn của NCB có trách nhiệm trả lời các câu hỏi, phỏng vấn của báo chí. Trường hợp nội dung câu hỏi, phỏng vấn vượt quá thẩm quyền trả lời, hoặc chưa rõ cần tham khảo thêm thì Người phát ngôn được phép không trả lời trực tiếp tại buổi hợp báo mà sẽ trả lời sau vào thời gian thích hợp.

Điều 9. Thông cáo báo chí

- 9.1. Thông cáo báo chí thực hiện trong những trường hợp sau:
 - a) Sự kiện quan trọng (là sự kiện lớn, có ý nghĩa, có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh và hình ảnh của NCB) bao gồm các sự kiện sau:
 - Giới thiệu sản phẩm mới, dịch vụ mới, chương trình khuyến mại mới;
 - Khai trương địa điểm giao dịch;
 - Hội nghị khách hàng, hội thảo;
 - Lễ kỷ niệm, đón nhận các phần thưởng cao quý, các giải thưởng;
 - Các hoạt động từ thiện, văn hóa, thể thao, phong trào thi đua;
 - Các sự kiện quan trọng khác.
 - b) Chỉ Người phát ngôn mới được quyền thông cáo báo chí về kết quả hoạt động kinh doanh và thông cáo báo chí các quan điểm chính thức về các vấn đề, sự kiện mà báo chí và công chúng quan tâm.
- 9.2. Người phát ngôn chủ động quyết định việc thực hiện hay không thực hiện thông cáo báo chí khi phát sinh các trường hợp nêu tại khoản 9.1 Điều này.
- 9.3. Thông cáo báo chí được thực hiện bằng văn bản gửi trực tiếp cho cơ quan báo chí bằng Email/Fax hoặc gửi qua đường văn thư và được thông báo bằng điện thoại cho nhà báo phụ trách việc đăng, phát tin hoặc cơ quan chủ quản báo chí biết để phát tin.
- 9.4. Thông cáo báo chí được đăng tải chính thức trên website <http://ncb-bank.vn>

Điều 10. Cung cấp thông tin định kỳ, liên tục

- 10.1. NCB cung cấp thông tin về hoạt động Ngân hàng trên trang tin điện tử của Ngân hàng theo địa chỉ <http://ncb-bank.vn>
- 10.2. Những thông tin đăng tải tại địa chỉ nêu trên là thông tin chính thức của NCB.

Điều 11. Phát ngôn và cung cấp thông tin trong các trường hợp đột xuất, bất thường

Người phát ngôn có trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho báo chí trong trường hợp đột xuất, bất thường sau:

- 11.1. Khi thấy cần thiết phải thông tin trên báo chí về các sự kiện, vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của NCB có thể gây tác động lớn trong xã hội cần định hướng và cảnh báo kịp thời.
- 11.2. Khi cơ quan báo chí hoặc cơ quan chỉ đạo, quản lý Nhà nước về báo chí có yêu cầu NCB phát ngôn hoặc cung cấp thông tin về các sự kiện, vấn đề, lĩnh vực liên quan đến hoạt động của NCB được nêu trên báo chí.
- 11.3. Khi có căn cứ cho rằng báo chí đăng thông tin sai sự thật về hoạt động của NCB hoặc những vấn đề có liên quan; đồng thời yêu cầu cơ quan báo chí đó phải đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật.
- 11.4. Việc cung cấp thông tin có thể đăng tải trên trang tin điện tử của NCB hoặc gửi trực tiếp bằng văn bản cho báo chí hoặc tổ chức họp báo, trả lời phỏng vấn theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Các trường hợp Người phát ngôn có quyền từ chối phát ngôn và không cung cấp thông tin cho báo chí

- 12.1. Những vấn đề có liên quan đến bí mật kinh doanh của Ngân hàng; những vấn đề đang trong quá trình thanh tra, xác minh, nghiên cứu giải quyết nhưng chưa có kết luận chính thức.
- 12.2. Những thông tin liên quan đến an toàn hệ thống, tài chính, tiền tệ và tổ chức, hoạt động của Ngân hàng chưa được phép công bố.
- 12.3. Những thông tin không thuộc thẩm quyền và chức năng của NCB.
- 12.4. Những thông tin khác mà theo quy định của pháp luật không được cung cấp thông tin cho báo chí.

Điều 13. Xử lý các thông tin có ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh Ngân hàng trên các phương tiện truyền thông đại chúng

- 13.1. Khi phát hiện các thông tin sai lệch bất thường ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và hình ảnh Ngân hàng trên các phương tiện truyền thông đại chúng, mọi thành viên của NCB phải có trách nhiệm thông báo về PRM để kịp thời xử lý.
- 13.2. PRM tiếp nhận thông tin và chịu trách nhiệm báo cáo Tổng Giám Đốc và Giám đốc khối có liên quan để xử lý kịp thời nhằm bảo vệ uy tín và hình ảnh của NCB.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CHO CỔ ĐÔNG VÀ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 14. Nghĩa vụ công bố thông tin⁴

- 14.1. Ngân hàng có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Ngân hàng cho cổ đông và công chúng. Ngân hàng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- 14.2. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 15. Nguyên tắc công bố thông tin⁵

- 15.1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:
- Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Ngân hàng phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
 - Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, Ngân hàng phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.
 - Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.
- 15.2. Khi công bố thông tin, Ngân hàng phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 15.1 Điều này và Ngân hàng không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.
- 15.3. Ngân hàng có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
- Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng tối thiểu là 05 năm;

⁴ Tham chiếu Điều 28 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

⁵ Tham chiếu Điều 3 Thông tư 155/2015/TT-BTC

- b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong tối thiểu 05 năm.

15.4. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 16. Người thực hiện công bố thông tin⁶

16.1. Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Ngân hàng (còn gọi là nhân viên công bố thông tin).

- a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;
- b) Ngân hàng phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.
- c) Trách nhiệm của nhân viên công bố thông tin:
- Công bố các thông tin của Ngân hàng với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
 - Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

16.2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin⁷ là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

- a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;
- b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC

⁶ Tham chiếu Điều 4 Thông tư 155/2015/TT-BTC, Điều 33 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

⁷ Tham chiếu định nghĩa tại khoản 4 Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cám sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB

(trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

16.3. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 17. Phương tiện công bố thông tin⁸

17.1. Các phương tiện công bố thông tin:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

17.2. Trang thông tin điện tử của Ngân hàng:

- a) Ngân hàng khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
- b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Ngân hàng, Quy chế quản trị nội bộ (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC;
- c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

17.3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 17.1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

17.4. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 18. Tạm hoãn công bố thông tin⁹

18.1. Ngân hàng được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện,

⁸ Tham chiếu Điều 5 Thông tư 155/2015/TT-BTC

⁹ Tham chiếu Điều 6 Thông tư 155/2015/TT-BTC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB

trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

18.2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Ngân hàng có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 19. Công bố thông tin định kỳ¹⁰

Ngân hàng phải công bố thông tin định kỳ về một hoặc một số nội dung sau đây:

19.1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng đã được soát xét bởi công ty kiểm toán độc lập hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính quý.

19.2. Nguyên tắc của việc công bố báo cáo tài chính năm¹¹:

- a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
- b) Trường hợp Ngân hàng là công ty mẹ của một tổ chức, Ngân hàng phải công bố 02 báo cáo: Báo cáo tài chính của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
- c) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Ngân hàng;
- d) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính năm đã kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

Trường hợp Ngân hàng không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

19.3. Nguyên tắc của việc công bố Báo cáo tài chính sáu tháng (bán niên): Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Ngân hàng, được lập theo quy định tại điểm a, b khoản 19.2 Điều này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên: Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. Trường hợp Ngân hàng không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính

¹⁰ Tham chiếu Điều 101 Luật Chứng khoán, Điều 8, Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC

¹¹ Tham chiếu Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB

bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc báo cáo tài chính bán niên tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng, nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

- 19.4. Nguyên tắc công bố báo cáo tài chính quý: Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a, b khoản 19.2 Điều này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét. Trường hợp Ngân hàng không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng cũng phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, báo cáo tài chính quý tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý khi có yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng, nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

- 19.5. Khi công bố các báo cáo tài chính năm, bán niên, quý, Ngân hàng phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
- d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

- 19.6. Trường hợp Ngân hàng có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 19.5 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.

- 19.7. Định kỳ 06 tháng và năm, Ngân hàng phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

19.8. Ngân hàng phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

19.9. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

b) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Ngân hàng phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

c) Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

19.10. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn

a) Ngân hàng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán;

b) Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Ngân hàng phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Ngân hàng chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

19.11. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Ngân hàng phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Ngân hàng và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 20. Công bố thông tin bất thường¹²

20.1. Ngân hàng phải công bố thông tin bất thường trong vòng 24 giờ khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Tài khoản của NCB tại Ngân hàng nhà nước hoặc các tổ chức tín dụng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính NCB.
- b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.
- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Ngân hàng phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.
- d) Quyết định về việc hoặc bán cổ phiếu quỹ của Ngân hàng; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật doanh nghiệp.
- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.
- f) Quyết định về việc tổ chức lại Ngân hàng (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập), giải thể; thay đổi tên Ngân hàng, con dấu của Ngân hàng; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng; (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải

¹² Tham chiếu Điều 101 Luật Chứng khoán, Điều 9, Điều 12 Thông tư 155/2015/TT-BTC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB

- thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.
- i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ hoặc người có liên quan.
 - j) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi.
 - k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
 - Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.
 - Trường hợp ngân hàng giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;
 - Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Ngân hàng hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Ngân hàng thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, Ngân hàng công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.
 - l) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Ngân hàng được sửa đổi, bổ sung;
 - m) Khi Ngân hàng thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Ngân hàng gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Ngân hàng niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;
 - n) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Ngân hàng;
 - o) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Ngân hàng; kết luận của cơ quan thuế về việc Ngân hàng vi phạm pháp luật về thuế;
 - p) Mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười lăm phần trăm tổng tài sản của Ngân hàng tính theo bảng cân đối kế toán được kiểm toán gần nhất;
 - q) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Ngân hàng có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét. Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Ngân hàng đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Ngân hàng công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
 - r) Ngân hàng nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
 - s) Bị tổn thất tài sản có giá trị từ mười phần trăm vốn chủ sở hữu trở lên;

- t) Có sự kiện ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Ngân hàng;
 - u) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.
 - v) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Ngân hàng tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Ngân hàng tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.
 - w) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
 - x) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 20.2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
- a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC;
 - b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
- 20.3. Khi công bố thông tin theo quy định từ điểm a đến điểm t khoản 20.1 Điều này, Ngân hàng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)¹³.
- 20.4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
- Ngân hàng báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
- 20.5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:
- a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Ngân hàng công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
 - b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Ngân hàng công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

¹³ Tham chiếu khoản 3 Điều 9 Thông tư 155/2015/TT-BTC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB

- c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, Ngân hàng là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Điều 21. Công bố thông tin theo yêu cầu¹⁴

- 21.1. Trong các trường hợp sau đây, Ngân hàng phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Ngân hàng niêm yết, đăng ký giao dịch:
- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
b) Có thông tin liên quan đến Ngân hàng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- 21.2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Ngân hàng về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 22. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Ngân hàng¹⁵

- 22.1. Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Ngân hàng theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.
- 22.2. Trong trường hợp Ngân hàng thay đổi mô hình hoạt động, Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 23. Công bố thông tin về quản trị Ngân hàng¹⁶

- 23.1. Ngân hàng phải công bố thông tin về tình hình quản trị Ngân hàng tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 23.2. Ngân hàng có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 24. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng Giám đốc¹⁷

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 25. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Ngân hàng và người có liên quan của người nội bộ¹⁸

- 25.1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Ngân hàng và người có liên quan phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch,

¹⁴ Tham chiếu Điều 10, Điều 13 Thông tư 155/2015/TT-BTC

¹⁵ Tham chiếu Điều 29 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

¹⁶ Tham chiếu Điều 30 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

¹⁷ Tham chiếu Điều 31 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

¹⁸ Tham chiếu Điều 28 Thông tư 155/2015/TT-BTC

chúng chỉ quỹ đại chúng), Ngân hàng về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ Sở giao dịch chứng khoán.

Người nội bộ của Ngân hàng và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- 25.2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Ngân hàng và người có liên quan phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chúng chỉ quỹ đại chúng) và Ngân hàng về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

- 25.3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Ngân hàng hoặc người có liên quan, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 25.1, 25.2 Điều này.
- 25.4. Trường hợp người nội bộ của Ngân hàng hoặc người có liên quan đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- 25.5. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

Điều 26. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc¹⁹

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

- 26.1. Các giao dịch giữa Ngân hàng với Công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- 26.2. Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

¹⁹ Tham chiếu Điều 32 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của NCB. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của NCB

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Trách nhiệm thực hiện

27.1. Trách nhiệm của Người phát ngôn:

Người phát ngôn chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, HĐQT trong việc triển khai tổ chức quan hệ, phát ngôn và cung cấp thông tin báo chí bảo đảm sự nhất quán theo đúng nguyên tắc và thực hiện được mục tiêu xây dựng thương hiệu và phát triển hình ảnh của NCB.

27.2. Trách nhiệm của Văn phòng HĐQT:

Làm đầu mối phối hợp với PRM chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu, báo cáo về chiến lược, định hướng, quyết sách lớn trình Chủ tịch HĐQT trước khi cung cấp cho báo chí theo quy định.

27.3. Trách nhiệm của PRM:

- a) Tư vấn và thừa hành trong việc tổ chức quan hệ báo chí theo chức năng nhiệm vụ do Tổng Giám đốc quy định.
- b) Làm đầu mối phối hợp với người đứng đầu các bộ phận thuộc NCB chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu, báo cáo trình Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Người phát ngôn duyệt trước khi cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất cho báo chí theo quy định.
- c) Tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân do cơ quan báo chí chuyển đến hoặc tổng hợp thông tin đã đăng phát trên báo chí có liên quan đến hoạt động của đơn vị, trình Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Người phát ngôn xử lý.
- d) Làm đầu mối tổ chức cung cấp thông tin cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Người phát ngôn tại cuộc họp báo do NCB tổ chức; phối hợp với các bộ phận, chi nhánh có liên quan tổ chức các hoạt động khi có những sự kiện, vấn đề liên quan đến hoạt động của đơn vị.
- e) Đầu mối tổng hợp, báo cáo Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Người phát ngôn xử lý những thông tin nhạy cảm, sai sự thật có nguy cơ ảnh hưởng tới an toàn hệ thống, hoạt động của đơn vị và lợi ích người gửi tiền mà báo chí đăng tải.
- f) Chủ động thiết lập và duy trì quan hệ với các Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, Cơ quan chủ quản của báo chí và cơ quan báo chí theo các mục tiêu và nguyên tắc của NCB.

27.4. Trách nhiệm của người đứng đầu các bộ phận trực thuộc NCB:

- a) Cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho Chủ tịch HĐQT, TGD, Người phát ngôn.
- b) Đề xuất việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ phụ trách.
- c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, TGD.

27.5. Trách nhiệm của nhân viên công bố thông tin, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Thực hiện các nhiệm vụ công bố thông tin của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và quy định của Ngân hàng.

27.6. Trách nhiệm của cán bộ nhân viên NCB:

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và quy định của Ngân hàng.

Điều 28. Điều khoản thi hành

- 28.1 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày .06/02/2018. và thay thế Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, mã số QC-PN.CCTTBC.01 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân, ban hành kèm theo Quyết định 196/2014/QĐ-HĐQT ngày 12/9/2014.
- 28.2 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định.
- 28.3 Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và quy định khác của NCB. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của Pháp luật, thì đương nhiên hết hiệu lực.
- 28.4 Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ngân hàng chuyên doanh; Giám đốc các Khối nghiệp vụ; Giám đốc các Chi nhánh và các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, BKS;
- TGD, các PTGD;
- Các NHCD, Khối;
- Ban KTNB, Ban PC;
- Các CN;
- Các Phòng, Ban, TT TSC;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN TIẾN DŨNG

